TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 375/2019/DS-ST
Ngày: 15-10-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Văn Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Địa chỉ hội sở: Số 130 đường P, Phường 3, quận P, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 1376 Tỉnh lộ 8, ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, sinh năm: 1967. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà Liêu Thanh H, sinh năm: 1989. Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh - Khách hàng cá nhân (Có mặt).

Theo Quyết định về việc ủy quyền số 02/QĐ-DAB-TĐG ngày 16/9/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

- Bà Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1993. Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh - Khách hàng cá nhân (Có mặt).

Theo Quyết định về việc ủy quyền số 03/QĐ-DAB-TĐG ngày 16/9/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

* *Bị đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 72, đường số 369, tổ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Nguyễn Trần Bảo C, sinh năm: 2011.

Người đại diện hợp pháp của cháu Châu: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 72, đường số 369, tổ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 03/5/2018, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) - có người đại diện theo ủy quyền là bà Liêu Thanh H và bà Lê Thị Ngọc T trình bày:

Ngày 22/02/2016, ông Nguyễn Văn H ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ với Ngân hàng Đ, theo giấy đăng ký, số tiền Ngân hàng Đ cho ông H vay là 100.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 7,5%/năm. Để bảo lãnh cho khoản vay, vợ ông H là bà Trần Thị T có cam kết về việc chịu trách nhiệm trả nợ thay cho ông H trong trường hợp ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Đ.

Trong quá trình vay, từ ngày 24/02/2016 đến ngày 02/5/2018, ông H chỉ trả được cho Ngân hàng Đ số tiền cụ thể như sau:

- Tiền vốn: 41.818.806đ;
- Tiền lãi trong hạn: 16.066.194đ.

Ngày 26/02/2017, ông H mất, từ khi ông H mất cho đến nay, Ngân hàng Đ đã làm việc với người bảo lãnh của ông H là bà Trần Thị T, bà T có làm giấy cam kết trả nợ cho Ngân hàng Đ nhưng cho đến nay, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho ông H khoản nợ nào, tính đến ngày 15/10/2019, số tiền bà T còn nợ Ngân hàng Đ tổng cộng là 70.951.725đ, cụ thể như sau:

- Tiền gốc: 58.181.184đ;
- Tiền lãi trong hạn: 6.412.973đ;
- Tiền lãi quá hạn: 6.357.568đ.

Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc người bảo lãnh của ông H là bà Trần Thị T phải thanh toán số tiền gốc và lãi tổng cộng là 70.951.725đ cho Ngân hàng Đ.

Ngoài ra từ ngày 16/10/2019, bà T còn phải thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền lãi phát sinh theo quy định của Giấy đăng ký vay tiền kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/02/2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Bị đơn là bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Trần Bảo C - có người đại diện hợp pháp là bà Trần Thị T vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tuy nhiên Hội đồng xét xử còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án nhưng việc vi phạm này không làm thay đổi bản chất của vụ án; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 03/5/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị T (là người bảo lãnh của ông Nguyễn Văn H) thanh toán nợ gốc và lãi theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/02/2016, đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị T có nơi cư trú cuối cùng tại số 72, đường số 369, tổ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi không thể tống đạt được được Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nên phải niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên, kết quả niêm yết của Văn phòng Thừa phát lại H và sổ hộ khẩu số 31130075721 do ông Nguyễn Văn H đứng tên chủ hộ thể hiện bà Trần Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 72, đường số 369, tổ 7, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố H nhưng đã bán nhà đi đâu không rõ. Hội đồng xét xử xét tại đơn khởi kiện nộp ngày 03/5/2018, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thể hiện tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/02/2016 và sổ hộ khẩu, như vậy nguyên đơn được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015. Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 5 và Điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng Đ yêu cầu bà Trần Thị T thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/02/2016 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 70.951.725đ.

Hội đồng xét xử xét trong quá trình thực hiện Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/02/2016, ông H chỉ thanh toán được cho Ngân hàng Đ một phần tiền vay thì mất. Đồng thời theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Đ cung cấp, Ngân hàng Đ đã nhiều lần thông báo, làm việc với người bảo lãnh của ông H là bà Trần Thị T, bà T có làm đơn xin giảm nợ vay, có cam kết trả nợ và ký tên tuy nhiên sau đó bà T không thực hiện. Việc bà T không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng Đ, vi phạm điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của của người vay và người bảo lãnh quy định tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/02/2016 và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này",* theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật",* do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/02/2016 của Ngân hàng Đông Á là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đề nghị này.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thanh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và lãi phải

thanh toán cho Ngân hàng Đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc người bảo lãnh của ông Nguyễn Văn H là bà Trần Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/02/2016 tính đến ngày 15/10/2019 tổng cộng là 70.951.725đ (Bảy mươi triệu chín trăm năm mươi mốt ngàn bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Bà Trần Thị T phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/10/2019 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông trên số nợ gốc thực nợ, theo mức lãi suất thoả thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 22/02/2016 đã ký giữa các bên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị T phải chịu án phí là 3.547.586đ (Ba triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm tám mươi sáu đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí là 1.634.976đ (Một triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0032527 ngày 16/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA